TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2022
V/v: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh
Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 05 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1993 *(có mặt)*

Địa chỉ: Đội 5, Thôn Bình Dương, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

*Bị đơn***:** Anh Lê Minh H– sinh năm 1987 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: thôn Đội 5, thôn Bình Dương, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Anh Lê Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13/07/2021 bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày: Chị và anh Lê Minh H kết hôn với nhau ngày 30/12/2010 trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình nhà anh H. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Chị đã chính thức bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ 15/10/2021, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình tiến hành hòa giải nhưng

không thành. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Lê Minh H không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Minh H.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có ba con chung là: Lê Thị Châm Anh, sinh ngày 31/8/2011; Lê Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 31/8/2011 và Lê Thị Nhã Uyên, sinh ngày 10/7/2016. Hiện nay, ba con chung đang ở với anh H và sống chung cùng cùng ông bà nội. Chị có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung mà không yêu cầu anh H phải đóng góp nuôi con chung cùng chị. Tuy nhiên, sau đó chị và anh H thỏa thuận để anh H nuôi dưỡng cả ba con chung vì chị không có chỗ ở phải đi thuê cửa hàng làm quán ăn kiếm sống hàng ngày trong khi các con chung đang sống cùng anh H và ông bà có chỗ ở ổn định, đi học thuận lợi nên chị và anh H có thống nhất giữ nguyên tình trạng con chung như hiện nay. Chị ra ra ngoài làm kinh tế và chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H là 02 triệu đồng/ 1 tháng/ 1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung,tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh H trình bày: Anh và chị H kết hôn với nhau ngày 30/12/2010. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng đoàn tụ ngay. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh được 9 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Thỉnh thoảng có tranh luận, cãi vã với nhau, bất đồng quan đểm về làm ăn kinh tế và nuôi dạy con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H vẫn còn. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có ba con chung là Lê Thị Châm Anh, sinh ngày 31/8/2011; Lê Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 31/8/2011 và Lê Thị Nhã Uyên, sinh ngày 10/7/2016. Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh phát triển bình thường. Ly hôn vợ chồng thỏa thuận để anh nuôi cả ba con chung. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng,đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35 Điều 147, Điều 227, 228 Điều 271, Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh H

Về con chung: Giao cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung là Lê Thị Châm Anh, sinh ngày 31/8/2011; Lê Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 31/8/2011 và Lê Thị Nhã Uyên, sinh ngày 10/7/2016; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H là 02 triệu đồng/1 tháng/1 cháu cho đến khi ba cháu đủ 18 tuổi.

Về án phí: Buộc chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Dương Thị H xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Minh H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Lê Minh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được tòa án triệu tập hợp lệ đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là có căn cứ.

[2].*Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị H và anh H có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị H và anh H đều cho rằng do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống về làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái nên vợ chồng có xảy ra cãi vã tranh luận với nhau. Tháng 10/2021 chị H đã ra thuê nhà ở riêng nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh H không đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Anh H không đồng ý ly hôn trong khi anh cũng không thể tự hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị H được trong khi hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa chị H vẫn kiên quyết ly hôn trong khi anh H không có

mặt và đã làm đơn xin xét xử vắng mặt từ đó có đủ cơ sở để xác định chị H và anh H không có khả năng hòa giải để về chung sống được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục việc anh H không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc của anh H và chị H mà thôi. Vì vậy, cần xử cho chị H được ly hôn anh H theo quy định tại Điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[3]. *Về con chung:* Chị H và anh H cùng xác định vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Châm Anh, sinh ngày 31/8/2011; Lê Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 31/8/2011 và Lê Thị Nhã Uyên, sinh ngày 10/7/2016. Hiện nay cả ba con chung đang ở cùng với anh H. HĐXX xét thấy, chị H hiện đang đi thuê cửa hàng để bán quán ăn nên nơi ăn ở của chị H không đảm bảo cho các cháu. Vì vậy, anh H có nguyện vọng nuôi ba con chị H cũng nhất trí và chị H tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho ba con mỗi cháu hai triệu đồng/ tháng cho đến khi các cháu 18 tuổi là phù hợp với nhu cầu phát triển của các cháu.

[5]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác:* chị H và anh H cùng xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn với anh Lê Minh H.

Về con chung: Giao cho anh Lê Minh H được nuôi dưỡng ba con chung Lê Thị Châm Anh, sinh ngày 31/8/2011; Lê Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 31/8/2011 và Lê Thị Nhã Uyên, sinh ngày 10/7/2016. Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H cho ba con chung mỗi con là 02 triệu đông/ 1 tháng kể từ ngày 30//6/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị H được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007636 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, chị H còn phải nộp 300.000đ nữa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H.Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã Ngọc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hương Lan